UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 55 /QĐ-UBND	*Nam Định, ngày 06 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Nghĩa Hưng

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số: 37/2019/NĐ-CP ngày 7/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Nam Định: số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định; số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Nghĩa Hưng; số 977/QĐ-UBND ngày 26/05/2022, số 1361/QĐ-UBND ngày 01/8/2022, số 1748/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Nghĩa Hưng;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh Nam Định: số 109/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về việc chấp thuận danh mục dự án phải thu hồi đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nam Định; số 110/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về việc chấp thuận danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa, dưới 20 ha đất rừng phòng hộ sang mục đích khác năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Theo đề nghị của UBND huyện Nghĩa Hưng tại tờ trình số 350/TTr-UBND ngày 23/12/2022, của Sở Tài nguyên và Môi trường tại tờ trình số 4485/TTr-STNMT ngày 30/12/2022 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Nghĩa Hưng và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Nghĩa Hưng với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

2

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích	Cơ cấu (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		**25.888,79**	**100**
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**15.348,96**	**59,29**
	Trong đó:			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.601,78	37,09
-	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	9.555,04	36,91
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	580,86	2,24
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.103,53	4,26
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.133,14	4,38
1.5	Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS	2.746,96	10,61
1.6	Đất làm muối	LMU	54,48	0,21
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	128,21	0,50
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**8.657,36**	**33,44**
	Trong đó:			
2.1	Đất quốc phòng	CQP	38,59	0,15
2.2	Đất an ninh	CAN	2,92	0,01
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	518,53	2,00
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	6,00	0,02
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	53,09	0,21
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	642,44	2,48
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	48,81	0,19
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	4.156,42	16,05
	Trong đó:			
	Đất giao thông	DGT	1.599,17	6,18
	Đất thủy lợi	DTL	2.063,12	7,97
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,21	0,00
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	8,24	0,03
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	74,71	0,29
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	16,36	0,06
	Đất công trình năng lượng	DNL	4,25	0,02
	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	1,32	0,01
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	49,51	0,19
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	82,67	0,32
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, NHT	NTD	249,52	0,96
	Đất chợ	DCH	6,34	0,02
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	23,00	0,09
2.12	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	0,66	0,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.236,97	4,78
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	132,37	0,51
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	19,60	0,08
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,04	0,01

3

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích	Cơ cấu (%)
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	20,43	0,08
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.628,03	6,29
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	119,53	0,46
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	6,93	0,03
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**	**1.882,47**	**7,27**

2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2023

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**594,01**
	Trong đó:		
1.1	Đất trồng lúa	LUA	109,44
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	109,44
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2,19
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	5,90
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	1,44
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	
1.7	Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS	474,73
1.8	Đất làm muối	LMU	0,31
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**24,44**
	Trong đó:		
2.1	Đất quốc phòng	CQP	2,53
2.2	Đất an ninh	CAN	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,11
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,26
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	0,44
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	12,35
	Trong đó:		
	Đất giao thông	DGT	3,92
	Đất thủy lợi	DTL	8,06
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	0,12
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, NHT	NTD	0,25
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,08
2.12	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	8,32

4

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	0,28
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,04
2.16	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,02
2.17	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,01

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023:

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích
1	**Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp**	**NNP/PNN**	**675,08**
	Trong đó:		
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	134,32
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC/PNN	134,12
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	15,81
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	23,43
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	1,44
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN/PNN	
1.7	Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS/PNN	499,77
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	0,31
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	
2	**Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở**	**PKO/OCT**	**5,77**

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023:

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích
	Đất phi nông nghiệp	**PNN**	**1,84**
	Trong đó:		
1	Đất quốc phòng	CQP	
2	Đất an ninh	CAN	
3	Đất khu công nghiệp	SKK	
4	Đất cụm công nghiệp	SKN	
5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,28
6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,48
7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	
8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	
9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,02
	Trong đó:		
	Đất giao thông	DGT	0,02
10	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,06

5

5. Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2023 của huyện Nghĩa Hưng (Có phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao UBND huyện Nghĩa Hưng chỉ đạo các phòng, ban liên quan:

- Công bố công khai các công trình, dự án thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được phê duyệt theo đúng quy định.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch đã được duyệt. Trường hợp có sự bất cập giữa quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với quy hoạch xây dựng, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, các quy hoạch chuyên ngành khác và các quy định của tỉnh thì kịp thời báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

- Chịu trách nhiệm rà soát lại các công trình, dự án thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2023, đảm bảo thống nhất số liệu, địa điểm giữa hồ sơ và thực địa; chỉ tiêu và khu vực sử dụng đất theo chức năng sử dụng trong quy hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; rà soát lại các nội dung có liên quan đến pháp luật về đất đai, pháp luật về quy hoạch và pháp luật khác có liên quan, chỉ tiến hành lập thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đất đai, pháp luật khác có liên quan.

- Thông báo cho UBND các xã, thị trấn, các chủ đầu tư có công trình, dự án đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2023 lập thủ tục hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo thời gian thực hiện kế hoạch và chỉ thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất trong khu dân cư đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hưng, Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng

Phụ lục

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 CỦA HUYỆN NGHĨA HƯNG

(Kèm theo Quyết định số 55 /QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh Nam Định)

TT	Danh mục công trình, dự án	Mã đất	Kế hoạch 2023 (ha)			Sử dụng vào loại đất (ha)																												Địa điểm		Tờ bản đồ		Ghi chú
			Tổng diện tích	Chuyển tiếp từ 2022	Đăng ký mới	Tổng diện tích	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	NTS	LMU	ONT	ODT	TSC	CQP	DYT	DGD	DTT	TMD	SKC	SKX	DGT	DTL	DSH	DNL	DCH	DRA	NTD	MNC	PNK	BCS	Vị trí	Cấp xã	Tờ	Thửa	*(Quyết định phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung.... QH, KHSDĐ; Nghị quyết thông qua danh mục công trình, dự án,...)*
	TỔNG CỘNG		752.64	662.47	90.17	752.64	133.66	0.20	22.34	23.43	1.44	512.16	0.31	19.60	5.17	0.31	2.53	0.13	0.44		0.25	0.56	6.12	6.92	8.98	0.20	0.02	0.50	1.12	0.26	3.82	0.34	1.83					-
1	**Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh**		**53.09**	**24.20**	**28.89**	**53.09**	**31.80**		**1.75**	**3.55**		**2.70**	**0.31**	**7.07**	**0.28**	**0.01**	**2.53**				**0.06**	**0.18**		**0.94**	**1.71**	**0.08**				**0.10**			**0.02**					-
1.1	**Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh**		**1.06**	**0.66**	**0.40**	**1.06**	**0.75**						**0.31**																									-
	XD trụ sở Công an thị trấn	CAN	0.20		0.20	0.20	0.20																											Khu 7	TT Quỹ Nhất	3	492;146;147	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	XD trụ sở Công an xã	CAN	0.20		0.20	0.20	0.20																											Đội 3	Xã Nghĩa Phong	7	31	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đồn Công an Rạng Đông	CAN	0.35	0.35		0.35	0.35																												TT Rạng Đông	4	12	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Hoàn trả đất quốc phòng	CQP	0.31	0.31		0.31							0.31																						Xã Phúc Thắng	1	729;730;733;739	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
1.2	**Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng**		**52.03**	**23.54**	**28.49**	**52.03**	**31.05**		**1.75**	**3.55**		**2.70**		**7.07**	**0.28**	**0.01**	**2.53**				**0.06**	**0.18**		**0.94**	**1.71**	**0.08**				**0.10**			**0.02**					-
1.2.1	**Công trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội QĐ chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất**																																					-
1.2.2	**Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, QĐ đầu tư mà phải thu hồi đất**		**52.03**	**23.54**	**28.49**	**52.03**	**31.05**		**1.75**	**3.55**		**2.70**		**7.07**	**0.28**	**0.01**	**2.53**				**0.06**	**0.18**		**0.94**	**1.71**	**0.08**				**0.10**			**0.02**					-
	Dự án xây dựng đường trục phát triển nối vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	DGT	19.58	19.58		19.58	5.41		1.75	1.99		1.93		5.07		0.01	2.53				0.06	0.18			0.47	0.08				0.10					Xã Nghĩa Bình, Phúc Thắng, Nghĩa Minh, Nghĩa Sơn, Nghĩa Lạc,	Nhiều tờ	Nhiều thửa	QĐ số 977/QĐ-UBND ngày 26/5/2022
	Đường bộ cao tốc Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng (bao gồm các hạng mục công trình phụ trợ: Cầu, cống,…)	DGT	28.49		28.49	28.49	22.57			1.43		0.64		2.00										0.76	1.09										Xã Nghĩa Thái, Nghĩa Châu, Nghĩa Trung	Nhiều tờ	Nhiều thửa	QĐ số 492/QĐ-UBND ngày 09/3/2022; NQ số 75/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của HĐND tỉnh Nam Định V/v chấp thuận chủ trương thực hiện dự án Xây dựng đường cao tốc Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình theo hình thức đối tác công tư (PPP) do UBND tỉnh Thái Bình là cơ quan nhà nước có thẩm quyền; NQ số 91/NQ-HĐND ngày 26/8/2022 của HĐND tỉnh Nam Định V/v Quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng cầu vượt sông Đáy nối tỉnh Ninh Bình và tỉnh Nam Định thuộc tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng
	Dự án cầu Ninh Cường	DGT	3.96	3.96		3.96	3.07			0.13		0.13			0.28									0.18	0.15								0.02		TT Liễu Đề	Nhiều tờ	Nhiều thửa	QĐ số 22/QĐ-TTg ngày 07/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ
2	**Các công trình dự án còn lại**	**-**	**699.55**	**638.27**	**61.28**	**699.55**	**101.86**	**0.20**	**20.59**	**19.88**	**1.44**	**509.46**		**12.53**	**4.89**	**0.30**		**0.13**	**0.44**		**0.19**	**0.38**	**6.12**	**5.98**	**7.27**	**0.12**	**0.02**	**0.50**	**1.12**	**0.16**	**3.82**	**0.34**	**1.81**					-
2.1	**Công trình, dự án do HĐND cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất**	**-**	**116.29**	**116.29**		**116.29**	**78.04**		**0.44**	**2.35**	**1.44**	**19.94**		**1.25**		**0.03**			**0.12**		**0.05**	**0.08**	**0.44**	**5.85**	**4.98**				**1.12**	**0.15**		**0.01**					-
2.1.1	**Đất giao thông**	**DGT**	**21.49**	**21.49**		**21.49**	**14.08**			**1.86**		**0.53**		**1.07**							**0.05**			**1.93**	**1.89**					**0.08**								-
	Dự án xây dựng đường tránh QL37B đoạn từ đường trục phát triển đến tỉnh lộ 490C, huyện Nghĩa Hưng (XD đường phía bắc sân vận động đến đường trục)	DGT	6.61	6.61		6.61	5.10							0.05										1.21	0.25										Xã Nghĩa Trung, TT Liễu Đề	23;22;21;20;19	tờ 23: thửa 27,28,35-38,29,30,...,34,40; tờ 22: thửa 117,118,...,120,122,124,125,126,111,135,110,108,103,104,109; tờ 21: thửa 115,116,119,114,126,113,117,124,121,120; tờ 20: thửa 76,78,79,57,58,59,61,74,73,72,71,70,69,68,60,67,66,77; tờ 19: thửa 97	NQ số 16/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND tỉnh Nam Định V/v quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng đường tránh QL37B đoạn đường từ đường trục phát triển đến tỉnh lộ 490C, huyện Nghĩa Hưng
	Dự án Cải tạo, nâng cấp đường Lâm -Hùng, huyện Nghĩa Hưng	DGT	11.35	11.35		11.35	6.50			1.86		0.53		1.02							0.05			0.04	1.31					0.04					Xã Nghĩa Hùng, Nghĩa Lâm	Nhiều tờ	Nhiều thửa	NQ số 15/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND tỉnh Nam Định V/v quyết định chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp đường Lâm -Hùng, huyện Nghĩa Hưng; NQ số 73/NQ-HĐND ngày
	Dự án xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục xã Nghĩa Minh, huyện Nghĩa Hưng (đoạn từ cầu trạm y tế đến thôn Thắng	DGT	0.06	0.06		0.06	0.04																	0.01	0.01										Xã Nghĩa Minh	1b	107	QĐ số 977/QĐ-UBND ngày 26/5/2022; NQ số 08/NQ-HĐND ngày 26/4/2022; NQ số 09/NQ-HĐND ngày 26/4/2022
	Cụm công trình Kênh nối Đáy – Ninh Cơ (Dự án WB6)	DGT	0.66	0.66		0.66	0.53																	0.07	0.02					0.04					Xã Nghĩa Sơn, Nghĩa Lạc	Nhiều tờ	Nhiều thửa	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Mở rộng đường giao thông liên xóm thôn Thiên Phú-	DGT	1.00	1.00		1.00	1.00																												Xã Nghĩa Bình	7	1;10;11;104;105	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022

TT	Danh mục công trình, dự án	Mã đất	Kế hoạch 2023 (ha)			Sử dụng vào loại đất (ha)																											Địa điểm		Tờ bản đồ		Ghi chú
			Tổng diện tích	Chuyển tiếp từ 2022	Đăng ký mới	Tổng diện tích	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	NTS	LMU	ONT	ODT	TSC	CQP	DYT	DGD	DTT	TMD	SKC	SKX	DGT	DTL	DSH	DNL	DCH	DRA	NTD	MNC	PNK	BCS	Vị trí	Cấp xã	Tờ	Thửa	*(Quyết định phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung,... QH, KHSDĐ; Nghị quyết thông qua danh mục công trình, dự án, ...)*
	Đường vào bãi xử lý chất thải rắn	DGT	1.81	1.81		1.81	0.91																	0.60	0.30										Xã Nghĩa Thái	34;37	tờ 34: thửa 21,33,26,27,22,25,24; tờ 37: thửa 6,5,2,1	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; NQ số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021
2.1.2	**Đất thủy lợi**	**DTL**	**20.73**	**20.73**		**20.73**	**1.96**		**0.27**		**1.44**	**13.79**		**0.18**									**0.44**	**1.71**	**0.87**					**0.07**				**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
1	Cụm công trình Kênh nối Đáy – Ninh Cơ (Dự án WB6)	DTL	5.05	5.05		5.05	1.96					1.53		0.18									0.44	0.77	0.10					0.07					Xã Nghĩa Sơn, Nghĩa Lạc			QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
2	Dự án xây dựng kênh thoát nước KCN Dệt may Rạng Đông	DTL	15.68	15.68		15.68			0.27		1.44	12.26												0.94	0.77										Bãi Bồi Nghĩa Hưng	1;2	tờ 1: thửa 1-12; tờ 2: thửa 1-14	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; QĐ số 2150/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của UBND tỉnh Nam Định Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư đối với Dự án Xây dựng kênh thoát nước Khu công nghiệp dệt may Rạng Đông tại huyện Nghĩa Hưng; NQ số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021; NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021; NQ số 10/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Nam Định ngày 26/4/2022 v/v quyết định chủ trương CMĐ sử dụng rừng phòng hộ sang mục đích khác (0,42ha RPH do UBND xã Nghĩa Lợi quản lý)
2.1.3	**Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo**	**DGD**	**1.93**	**1.93**		**1.93**	**0.93**		**0.01**	**0.49**		**0.50**																										**-**
	XD Trường mầm non	DGD	1.00	1.00		1.00			0.01	0.49		0.50																							TT Rạng Đông	T10; P12; 10;12	tờ T10: thửa 7,9,11,13,18,19,20,24,25; tờ P12: thửa 133,134,135,104; tờ 10: thửa 13,14,20,97; tờ 12: thửa 104,133,134,135	QĐ số 977/QĐ-UBND ngày 26/5/2022; NQ số 09/NQ-HDND ngày 26/4/2022
	XD Trường mầm non	DGD	0.60	0.60		0.60	0.60																										khu Ngọc Lâm	Xã Nghĩa Hải	5	67;69	QĐ số 977/QĐ-UBND ngày 26/5/2022; NQ số 08/NQ-HĐND ngày 26/4/2022
	Xây dựng trường mầm non khu A	DGD	0.33	0.33		0.33	0.33																												Xã Nghĩa Phong	7	143;142;145	NQ số 26/NQ-UBND ngày 17/12/2021 của HĐND huyện Nghĩa Hưng V/v thông qua chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ trường mầm non xã Nghĩa Phong, huyện Nghĩa Hưng
2.1.4	**Đất công trình năng lượng**	**DNL**	**1.77**	**1.77**		**1.77**	**1.62**					**0.05**										**0.08**		**0.01**								**0.01**						**-**
	Đường dây và TBA 110kv Đông Bình	DNL	1.77	1.77		1.77	1.62					0.05										0.08		0.01								0.01			các xã: Nghĩa Lạc, Nghĩa Phong, Nghĩa Bình, Nghĩa Tân, Phúc Thắng, Nghĩa Lợi, Nghĩa Thành	Nhiều tờ	Nhiều thửa	NQ số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021; NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
2.1.5	**Đất bãi thải, xử lý chất thải**	**DRA**	**6.82**	**6.82**		**6.82**	**5.51**																	**0.12**	**0.07**				**1.12**					**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
	Xây dựng bãi xử lý chất thải rắn	DRA	6.82	6.82		6.82	5.51																	0.12	0.07				1.12						Xã Nghĩa Thái	34	9;...;19	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; NQ số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021
2.1.6	**Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT**	**NTD**	**5.30**	**5.30**		**5.30**	**2.30**					**3.00**																										**-**
	Mở rộng nghĩa trang nhân dân	NTD	2.30	2.30		2.30	2.30																												TT Liễu Đề	25; 26	tờ 25: thửa 14,15,16,17,18,19,20,21; tờ 26: thửa 1,40	QĐ số 977/QĐ-UBND ngày 26/5/2022; NQ số 08/NQ-HĐND ngày 26/4/2022; NQ số 09/NQ-HDND ngày 26/4/2022
	Mở rộng nghĩa trang nhân dân TDP 1	NTD	1.00	1.00		1.00						1.00																							TT Rạng Đông	12	140;138;154;155;144	QĐ số 977/QĐ-UBND ngày 26/5/2022; NQ số 08/NQ-HĐND ngày 26/4/2022; NQ số 09/NQ-HDND ngày 26/4/2022
	Mở rộng nghĩa trang nhân dân TDP 2	NTD	2.00	2.00		2.00						2.00																							TT Rạng Đông	11	79;84;85	QĐ số 977/QĐ-UBND ngày 26/5/2022; NQ số 08/NQ-HĐND ngày 26/4/2022; NQ số 09/NQ-HDND ngày 26/4/2022
2.1.7	**Đất ở tại nông thôn**	**ONT**	**57.12**	**57.12**		**57.12**	**50.63**		**0.16**			**2.07**				**0.03**								**2.08**	**2.15**													**-**
	Khu dân cư tập trung Thiên Bình	ONT	7.10	7.10		7.10	6.45																	0.15	0.50										Xã Nghĩa Bình	4	33;34;35;36;37;38;39;49;50;51;52;53;54;55;56;75;76;77;78;79;80	QĐ số 977/QĐ-UBND ngày 26/5/2022; NQ số 09/NQ-HDND ngày 26/4/2022
	Khu tái định cư và khu dân cư tập trung xóm Nguyên Lực	ONT	5.10	5.10		5.10	4.70																	0.20	0.20										Xã Nghĩa Lạc	7	1;5;6;7;8;9;18;19;21;20;...	NQ số 45/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Nam Định ngày 26/4/2022 về QĐ chủ trương đầu tư dự án Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung xóm Nguyên Lực, xã Nghĩa Lạc, huyện Nghĩa Hưng; NQ số 73/NQ-HĐND ngày 06/7/2022
	Khu tái định cư và khu dân cư tập trung đội 12	ONT	0.97	0.97		0.97	0.83																	0.10	0.04										Xã Nghĩa Phong	10	35;37	QĐ số 977/QĐ-UBND ngày 26/5/2022; NQ số 109/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; Thông báo số 284/TB-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh Nam Định V/v lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Khu tái định cư và khu dân cư tập trung đội 12 xã Nghĩa Phong, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định

TT	Danh mục công trình, dự án	Mã đất	Kế hoạch 2023 (ha)			Sử dụng vào loại đất (ha)																											Địa điểm		Tờ bản đồ		Ghi chú
			Tổng diện tích	Chuyển tiếp từ 2022	Đăng ký mới	Tổng diện tích	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	NTS	LMU	ONT	ODT	TSC	CQP	DYT	DGD	DTT	TMD	SKC	SKX	DGT	DTL	DSH	DNL	DCH	DRA	NTD	MNC	PNK	BCS	Vị trí	Cấp xã	Tờ	Thửa	(Quyết định phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung,... QH, KHSDĐ; Nghị quyết thông qua danh mục công trình, dự án,...)
	Khu tái định cư và khu dân cư tập trung đội 5 (khu 1)	ONT	4.00	4.00		4.00	3.81																	0.07	0.12										Xã Nghĩa Phong	4	137;146;148;139;...	QĐ số 977/QĐ-UBND ngày 26/5/2022; NQ số 08/NQ-HĐND ngày 26/4/2022
	Khu tái định cư và khu dân cư tập trung đội 5 (khu 2)	ONT	2.50	2.50		2.50	2.31																	0.07	0.12										Xã Nghĩa Phong	3	110;111;122;133;118;...	QĐ số 977/QĐ-UBND ngày 26/5/2022; NQ số 08/NQ-HĐND ngày 26/4/2022
	Khu tái định cư và khu dân cư tập trung thôn Đô Mười	ONT	6.21	6.21		6.21	6.15																	0.01	0.05										Xã Nghĩa Sơn	8	8;10;11;12;...	NQ số 43/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Nam Định ngày 26/4/2022 về QĐ chủ trương đầu tư DA Xây dựng khu TĐC và KDC tập trung thôn Đô Mười, xã Nghĩa Sơn, huyện Nghĩa Hưng; NQ số 73/NQ-HĐND ngày 06/7/2022
	Khu tái định cư và khu dân cư tập trung thôn Bơn Ngạn	ONT	7.05	7.05		7.05	6.92																	0.03	0.10										Xã Nghĩa Sơn	6b	63;64;65;66;76;77;78;79;80;...	QĐ số 977/QĐ-UBND ngày 26/5/2022; NQ số 08/NQ-HĐND ngày 26/4/2022; NQ số 73/NQ-HĐND ngày 06/7/2022
	Xây dựng khu dân cư tập trung	ONT	9.90	9.90		9.90	8.50																	0.90	0.50									Xóm 1,10	Xã Phúc Thắng	3	1;5;6;7;8;15;23;16	NQ số 60/NQ-HĐND ngày 02/12/2021; NQ số 09/NQ-HĐND ngày 26/4/2022
	Khu dân cư tập trung	ONT	1.73	1.73		1.73						1.73																							Xã Nam Điền	13	59	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Khu dân cư tập trung có cơ sở hạ tầng (thôn đào thượng)	ONT	0.44	0.44		0.44	0.03					0.34												0.05	0.02										Xã Nghĩa Châu	2	126;203;197;195;190;188;187;207;192;193;191;200;145;152;155;194;184	NQ số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021; NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Khu dân cư tập trung	ONT	2.46	2.46		2.46	2.46																											xóm 2 Phú	Xã Nghĩa Hải	13 NĐ	13;14;15	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Khu dân cư tập trung có cơ sở hạ tầng	ONT	1.12	1.12		1.12	1.12																												Xã Nghĩa Lợi	2	101;103	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Khu dân cư tập trung	ONT	5.30	5.30		5.30	4.30																	0.50	0.50										Xã Nghĩa Minh	2b; 1b	tờ 2b: thửa 30,31,32,33,2,3,4,5; tờ 1b: thửa 104,105,106	NQ số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021
	Khu dân cư tập trung	ONT	1.83	1.83		1.83	1.83																											xóm 4	Xã Nghĩa Phú	8	192;193;...;202;191;190;234;189;188;209;208;207;206;205;204;203	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021; NQ số 12/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND huyện Nghĩa Hưng V/v dừng thực hiện dự án xây dựng khu dân cư tập trung xã Nghĩa Phú, huyện Nghĩa Hưng
	Khu dân cư tập trung	ONT	0.38	0.38		0.38	0.38																											xóm 5	Xã Nghĩa Sơn	3bND	63;64;65	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Khu dân cư tập trung	ONT	0.19	0.19		0.19			0.16							0.03																		xóm 5	Xã Nghĩa Tân	16; 4	tờ 16: thửa 358,386,390,401,402,403,404,415,427,426,437,410,428,454; tờ 4: thửa 124	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Khu dân cư tập trung	ONT	0.84	0.84		0.84	0.84																											thôn Bình	Xã Nghĩa Thịnh	3	24;27;28;29;32;33	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
2.1.8	**Đất ở tại đô thị**	**ODT**	**0.12**	**0.12**		**0.12**	**0.00**												**0.12**						**0.00**													-
	Khu đô thị tập trung có cơ sở hạ tầng	ODT	0.12	0.12		0.12	0.00												0.12						0.00										TT Quỹ Nhất	3	179;180;181;182;183;184;185;288;293;294;295;296;297;298;299;300;452;453;454;455;456;457;458;459;460;478	QĐ số 977/QĐ-UBND ngày 26/5/2022; NQ số 09/NQ-HĐND ngày 26/4/2022
2.1.9	**Đất xây dựng trụ sở cơ**	**TSC**	**1.01**	**1.01**		**1.01**	**1.01**																															-
	XD trụ sở UBND xã Nghĩa Thịnh (XD Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Nghĩa Thịnh)	TSC	1.00	1.00		1.00	1.00																												Xã Nghĩa Thịnh	3	15;16	NQ số 18/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND tỉnh Nam Định v/v Quyết định chủ trương đầu tư xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Hưng
	Chi cục thống kê	TSC	0.01	0.01		0.01	0.01																												TT Liễu Đề	15	9;10	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
2.2	**Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất**		**560.09**	**506.41**	**53.68**	**560.09**	**23.82**	**0.20**	**19.61**	**17.53**		**488.34**				**0.27**		**0.13**	**0.32**		**0.14**	**0.30**	**3.79**	**0.02**	**2.29**	**0.12**	**0.02**	**0.50**		**0.01**	**0.84**	**0.03**	**1.81**					-
2.2.1	**Đất thương mại, dịch vụ**	**TMD**	**29.97**	**29.97**		**29.97**	**11.29**		**7.43**	**0.15**		**9.75**												**0.02**	**0.02**							**0.03**	**1.28**					-
	Khu thương mại dịch vụ	TMD	1.40	1.40		1.40	1.36																	0.02	0.02										TT Liễu Đề	16	38;39;40;41;42;61;62;95	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Khu thương mại dịch vụ	TMD	1.40	1.40		1.40			1.40																										TT Quỹ Nhất	1	191;192;193;198	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Khu thương mại dịch vụ	TMD	1.50	1.50		1.50	1.50																												TT Quỹ Nhất	5	311	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; NQ số 09/NQ-HĐND ngày 26/4/2022
	Khu thương mại dịch vụ	TMD	9.00	9.00		9.00						9.00																							Xã Nghĩa Bình	4	159;160;161;162;163	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Khu dịch vụ thương mại	TMD	5.00	5.00		5.00	5.00																											Xóm 1, 2 Phú Thọ	Xã Nghĩa Hải	13	13;12;11;10;9;8;21;22;23;24;19;20;25;26;27;28;29;30;31;32	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Khu thương mại dịch vụ	TMD	2.00	2.00		2.00			1.97																							0.03		Bến Bãi Bình	Xã Nghĩa Thịnh	4	1	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Khu thương mại dịch vụ	TMD	6.24	6.24		6.24			4.06	0.15		0.75																					1.28	Bến Bãi Hạ	Xã Nghĩa Thịnh	1	3;4	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Khu thương mại dịch vụ	TMD	1.05	1.05		1.05	1.05																											Xóm 2 - Phía Đông Đường	Xã Nghĩa Trung	7	7;8;12	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Khu thương mại dịch vụ	TMD	2.38	2.38		2.38	2.38																											Xóm 2 - Phía Tây Đường	Xã Nghĩa Trung	7	15;13;60	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
2.2.2	**Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**	**SKC**	**13.02**	**13.02**		**13.02**	**2.58**		**3.50**			**1.41**											**3.79**					**0.44**			**0.82**		**0.48**					-
	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (Đấu giá quyền sử dụng đất theo hình thức thuê	SKC	1.30	1.30		1.30						1.30																							TT Quỹ Nhất	2	227	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; QĐ số 1027/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND tỉnh Nam Định
	Cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1.60	1.60		1.60	1.60																												TT Quỹ Nhất	3	315;498;499;500;501	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; Công văn số 296/UBND-VP3 ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh Nam Định
	Cơ sở sản xuất chế biến lâm sản và gia công cơ khí (Công ty CP chế biến lâm sản Quân Minh)	SKC	0.98	0.98		0.98	0.98																												Xã Nghĩa Lạc	6a	9;11;12;21	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022

4

TT	Danh mục công trình, dự án	Mã đất	Kế hoạch 2023 (ha)			Sử dụng vào loại đất (ha)																												Địa điểm		Tờ bản đồ		Ghi chú
			Tổng diện tích	Chuyển tiếp từ 2022	Đăng ký mới	Tổng diện tích	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	NTS	LMU	ONT	ODT	TSC	CQP	DYT	DGD	DTT	TMĐ	SKC	SKX	DGT	DTL	DSH	DNL	DCH	DRA	NTD	MNC	PNK	BCS	Vị trí	Cấp xã	Tờ	Thửa	*(Quyết định phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung.... QH, KHSDĐ; Nghị quyết thông qua danh mục công trình, dự án,...)*
	Bãi tập kết và SX KDV LXD (Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Đại Phong)	SKC	2.20	2.20		2.20																	1.38								0.82				Xã Nghĩa Minh	1b	8;12	CV số 525/UBND-VP3 ngày 28/7/2021 của UBND tỉnh Nam Định v/v khảo sát lập thủ tục đầu tư XD bãi tập kết và SX VLXD tại xã Nghĩa Minh
	Cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	2.41	2.41		2.41																	2.41											Phía đông cống Đông Ba xóm 7	Xã Nghĩa Minh	1a	66;65	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Trạm cấp nước sạch	SKC	0.11	0.11		0.11						0.11																						Xóm 3	Xã Nghĩa Thái	13	240;241;242;254	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0.44	0.44		0.44																						0.44							Xã Phúc Thắng	13 (Tờ 1 cũ)	1,050	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Cơ sở sản xuất chế biến thủy sản	SKC	0.48	0.48		0.48																											0.48		Xã Phúc Thắng	1(1/2000)	1037;1038	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của UBND tỉnh Nam Định
	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3.50	3.50		3.50			3.50																										Xã Phúc Thắng	10	36	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
2.2.3	**Đất xây dựng cơ sở y tế**	**DYT**	**0.30**	**0.30**		**0.30**	**0.30**																															-
	Đất cơ sở y tế	DYT	0.30	0.30		0.30	0.30																												TT Liễu Đề	15	9;10	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
2.2.4	**Đất ở tại nông thôn**	**ONT**	**39.86**	**7.98**	**31.88**	**39.86**	**9.55**	**0.20**	**1.59**	**14.81**		**12.84**				**0.17**		**0.03**	**0.28**			**0.10**			**0.03**	**0.12**	**0.02**	**0.06**		**0.01**			**0.05**					-
2.2.4.1	**Xã Hoàng Nam**		**3.00**	**0.55**	**2.45**	**3.00**	**1.46**	**0.20**	**0.10**	**0.50**		**0.70**														**0.04**												-
	CMĐ SDĐ trong KDC	ONT	1.20		1.20	1.20				0.50		0.70																							Xã Hoàng Nam	Các tờ theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	Các thửa theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	1.80	0.55	1.25	1.80	1.46	0.20	0.10																	0.04									Xã Hoàng Nam			-
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.10	0.10		0.10	0.10																											Cửa Ông Khái	Xã Hoàng Nam	2a	209	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.10	0.10		0.10	0.10																											Cửa Ô. Điệu Xuống Đền Sau Ô. Chí	Xã Hoàng Nam	1b	278	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.21	0.21		0.21	0.21																											Mồ Giếng Đông Tĩnh	Xã Hoàng Nam	2b	298	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021; QĐ số 2101/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND tỉnh Nam Định
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.10	0.10		0.10			0.10																									Gò Thứ 19	Xã Hoàng Nam	1b	248	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.04	0.04		0.04																				0.04								Xóm Tây An Sa Hạ	Xã Hoàng Nam	8	4	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá QSDĐ thôn Chương Nghĩa	ONT	0.30		0.30	0.30	0.30																											Cửa Ô. Đào - thôn Chương Nghĩa	Xã Hoàng Nam	2a	208	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ thôn Chương Nghĩa vị trí 1	ONT	0.10		0.10	0.10	0.10																											Cửa Ô. Đào - thôn Chương Nghĩa	Xã Hoàng Nam	2a	208	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ thôn Chương Nghĩa vị trí 2	ONT	0.10		0.10	0.10	0.10																											Cửa Ô. Đào - thôn Chương Nghĩa	Xã Hoàng Nam	2a	208	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ thôn Chương Nghĩa vị trí 3	ONT	0.10		0.10	0.10	0.10																											Cửa Ô. Đào - thôn Chương Nghĩa	Xã Hoàng Nam	2a	208	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ thôn Hà Dương	ONT	0.07		0.07	0.07	0.07																											Cửa Ô. Bộ- thôn Hà Dương	Xã Hoàng Nam	2b	297	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm Mỹ Hưng	ONT	0.33		0.33	0.33	0.33																											Cửa Kho - xóm Mỹ Hưng	Xã Hoàng Nam	1a	204;335;336	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ xóm Mỹ Hưng vị trí 1	ONT	0.10		0.10	0.10	0.10																											Cửa Kho - xóm Mỹ Hưng	Xã Hoàng Nam	1a	204;335;336	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm Mỹ Hưng vị trí 2	ONT	0.09		0.09	0.09	0.09																											Cửa Kho - xóm Mỹ Hưng	Xã Hoàng Nam	1a	204;335;336	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm Mỹ Hưng vị trí 3	ONT	0.08		0.08	0.08	0.08																											Cửa Kho - xóm Mỹ Hưng	Xã Hoàng Nam	1a	204;335;336	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm Mỹ Hưng vị trí 4	ONT	0.06		0.06	0.06	0.06																											Cửa Kho - xóm Mỹ Hưng	Xã Hoàng Nam	1a	204;335;336	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ thôn Ba Hạ	ONT	0.35		0.35	0.35	0.35																											Cửa Chùa - thôn Ba Hạ	Xã Hoàng Nam	1b	270;273;271;272	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ thôn Ba Hạ vị trí 1	ONT	0.10		0.10	0.10	0.10																											Cửa Chùa - thôn Ba Hạ	Xã Hoàng Nam	1b	270;273;271;272	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ thôn Ba Hạ vị trí 2	ONT	0.10		0.10	0.10	0.10																											Cửa Chùa - thôn Ba Hạ	Xã Hoàng Nam	1b	270;273;271;272	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ thôn Ba Hạ vị trí 3	ONT	0.09		0.09	0.09	0.09																											Cửa Chùa - thôn Ba Hạ	Xã Hoàng Nam	1b	270;273;271;272	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022

TT	Danh mục công trình, dự án	Mã đất	Kế hoạch 2023 (ha)			Sử dụng vào loại đất (ha)																												Địa điểm		Tờ bản đồ		Ghi chú
			Tổng diện tích	Chuyển tiếp từ 2022	Đăng ký mới	Tổng diện tích	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	NTS	LMU	ONT	ODT	TSC	CQP	DYT	DGD	DTT	TMD	SKC	SKX	DGT	DTL	DSH	DNL	DCH	DRA	NTD	MNC	PNK	BCS	Vị trí	Cấp xã	Tờ	Thửa	*(Quyết định phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung.... QH, KHSDĐ; Nghị quyết thông qua danh mục công trình, dự án,...)*
	Đấu giá QSDĐ thôn Ba Hạ vị trí 4	ONT	0.06		0.06	0.06	0.06																											Cửa Chùa - thôn Ba Hạ	Xã Hoàng Nam	1b	270;273;271;272	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ thôn Châu Thành	ONT	0.20		0.20	0.20		0.20																										Cửa làng - xóm Châu Thành	Xã Hoàng Nam	1a	121	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ thôn Châu Thành vị trí 1	ONT	0.10		0.10	0.10		0.10																										Cửa làng - xóm Châu Thành	Xã Hoàng Nam	1a	121	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ thôn Châu Thành vị trí 2	ONT	0.10		0.10	0.10		0.10																										Cửa làng - xóm Châu Thành	Xã Hoàng Nam	1a	121	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
2.2.4.2	**Xã Nam Điền**		**2.60**	**0.10**	**2.50**	**2.60**				**2.10**		**0.50**																										**-**
	CMĐ SDĐ trong KDC	ONT	2.50		2.50	2.50				2.00		0.50																							Xã Nam Điền	Các tờ theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	Các thửa theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.10	0.10		0.10				0.10																									Xã Nam Điền			-
	Đấu giá quyền SDĐ cho nhân dân làm nhà ở	ONT	0.10	0.10		0.10				0.10																								Xóm 1, 2	Xã Nam Điền	13;14;11;12	Nhiều thửa	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
2.2.4.3	**Xã Nghĩa Bình**		**0.95**	**0.01**	**0.94**	**0.95**				**0.50**		**0.44**																		**0.01**								**-**
	CMĐ SDĐ trong KDC	ONT	0.94		0.94	0.94				0.50		0.44																							Xã Nghĩa Bình	Các tờ theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	Các thửa theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.01	0.01		0.01																								0.01					Xã Nghĩa Bình			-
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.01	0.01		0.01																								0.01					Xã Nghĩa Bình	1	166	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
2.2.4.4	**Xã Nghĩa Châu**		**1.94**	**0.28**	**1.66**	**1.94**	**0.43**			**0.69**		**0.81**							**0.01**																			**-**
	CMĐ SDĐ trong KDC	ONT	1.50		1.50	1.50				0.69		0.81																							Xã Nghĩa Châu	Các tờ theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	Các thửa theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.44	0.28	0.16	0.44	0.43												0.01																Xã Nghĩa Châu			-
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.01	0.01		0.01													0.01															Xóm 3	Xã Nghĩa Châu	5	102	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.06	0.06		0.06	0.06																											Xóm 3	Xã Nghĩa Châu	5	302	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Đấu giá QSDĐ (Hà Dương)	ONT	0.21	0.21		0.21	0.21																											Xóm 6	Xã Nghĩa Châu	5	33	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Đấu giá QSDĐ thôn Chương Nghĩa	ONT	0.16		0.16	0.16	0.16																											Thôn Chương Nghĩa	Xã Nghĩa Châu	1(1/2000)	213	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ thôn Chương Nghĩa vị trí 1	ONT	0.08		0.08	0.08	0.08																											Thôn Chương Nghĩa	Xã Nghĩa Châu	1(1/2000)	213	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ thôn Chương Nghĩa vị trí 2	ONT	0.08		0.08	0.08	0.08																											Thôn Chương Nghĩa	Xã Nghĩa Châu	1(1/2000)	213	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
2.2.4.5	**Xã Nghĩa Đồng**		**2.36**	**0.64**	**1.72**	**2.36**	**1.32**		**0.02**	**0.60**		**0.40**							**0.02**																			**-**
	CMĐ SDĐ trong KDC	ONT	1.00		1.00	1.00				0.60		0.40																							Xã Nghĩa Đồng	Các tờ theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	Các thửa theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	1.36	0.64	0.72	1.36	1.32		0.02										0.02																Xã Nghĩa Đồng			-
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.13	0.13		0.13	0.13																											Thôn 6 sau Ông Trường	Xã Nghĩa Đồng	2b	10	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.10	0.10		0.10	0.10																											Thôn 6 phía tây Ông Hiền	Xã Nghĩa Đồng	2a	852	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.02	0.02		0.02			0.02																									Thôn 1 sau Ông Đam	Xã Nghĩa Đồng	3a	39	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.27	0.27		0.27	0.27																											Thôn 1 Sối Duyên	Xã Nghĩa Đồng	3a	3;4	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021; QĐ số 2101/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND tỉnh Nam Định
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.10	0.10		0.10	0.10																											Thôn 8 Phía tây Ông Bình	Xã Nghĩa Đồng	5a	9	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021

6

TT	Danh mục công trình, dự án	Mã đất	Kế hoạch 2023 (ha)			Sử dụng vào loại đất (ha)																												Địa điểm		Tờ bản đồ		Ghi chú
			Tổng diện tích	Chuyển tiếp từ 2022	Đăng ký mới	Tổng diện tích	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	NTS	LMU	ONT	ODT	TSC	CQP	DYT	DGD	DTT	TMD	SKC	SKX	DGT	DTL	DSH	DNL	DCH	DRA	NTD	MNC	PNK	BCS	Vị trí	Cấp xã	Tờ	Thửa	*(Quyết định phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung... QH, KHSDĐ; Nghị quyết thông qua danh mục công trình, dự án,...)*
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.02	0.02		0.02													0.02																Xã Nghĩa Đồng	3b	909	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá QSDĐ thôn 1	ONT	0.72		0.72	0.72	0.72																											Sối Điệu - thôn 1	Xã Nghĩa Đồng	3a	1;2	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ thôn 1 vị trí 1	ONT	0.10		0.10	0.10	0.10																											Sối Điệu - thôn 1	Xã Nghĩa Đồng	3a	1;2	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ thôn 1 vị trí 2	ONT	0.10		0.10	0.10	0.10																											Sối Điệu - thôn 1	Xã Nghĩa Đồng	3a	1;2	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ thôn 1 vị trí 3	ONT	0.10		0.10	0.10	0.10																											Sối Điệu - thôn 1	Xã Nghĩa Đồng	3a	1;2	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ thôn 1 vị trí 4	ONT	0.10		0.10	0.10	0.10																											Sối Điệu - thôn 1	Xã Nghĩa Đồng	3a	1;2	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ thôn 1 vị trí 5	ONT	0.10		0.10	0.10	0.10																											Sối Điệu - thôn 1	Xã Nghĩa Đồng	3a	1;2	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ thôn 1 vị trí 6	ONT	0.10		0.10	0.10	0.10																											Sối Điệu - thôn 1	Xã Nghĩa Đồng	3a	1;2	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ thôn 1 vị trí 7	ONT	0.06		0.06	0.06	0.06																											Sối Điệu - thôn 1	Xã Nghĩa Đồng	3a	1;2	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ thôn 1 vị trí 8	ONT	0.06		0.06	0.06	0.06																											Sối Điệu - thôn 1	Xã Nghĩa Đồng	3a	1;2	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
2.2.4.6	**Xã Nghĩa Hải**		**1.22**	**0.32**	**0.90**	**1.22**	**0.03**		**0.39**	**0.40**		**0.40**																										-
	CMĐ SDĐ trong KDC	ONT	0.80		0.80	0.80				0.40		0.40																							Xã Nghĩa Hải	Các tờ theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	Các thửa theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.42	0.32	0.10	0.42	0.03		0.39																										Xã Nghĩa Hải			-
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.03	0.03		0.03	0.03																											Xóm 1 Phú Thọ	Xã Nghĩa Hải	8	150	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Đấu giá quyền SDĐ cho nhân dân làm nhà ở	ONT	0.29	0.29		0.29			0.29																										Xã Nghĩa Hải	9; 2	tờ 9: thửa 37; tờ 2: thửa 18	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; QĐ số 2101/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND tỉnh Nam Định
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.10		0.10	0.10			0.10																									Xóm 6 Nam Hải	Xã Nghĩa Hải	2	18	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
2.2.4.7	**Xã Nghĩa Hồng**		**1.50**	**0.30**	**1.20**	**1.50**	**0.10**		**0.10**	**0.70**		**0.50**				**0.05**																	**0.05**					-
	CMĐ SDĐ trong KDC	ONT	1.20		1.20	1.20				0.70		0.50																							Xã Nghĩa Hồng	Các tờ theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	Các thửa theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.30	0.30		0.30	0.10		0.10							0.05																	0.05		Xã Nghĩa Hồng			-
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.10	0.10		0.10	0.10																											Đội 14	Xã Nghĩa Hồng	2A	1	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.10	0.10		0.10			0.10																										Xã Nghĩa Hồng	2	58	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá quyền SDĐ cho nhân dân làm nhà ở	ONT	0.10	0.10		0.10										0.05																	0.05		Xã Nghĩa Hồng	6; 3	tờ 6: thửa 136; tờ 3: thửa 384,391,385	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
2.2.4.8	**Xã Nghĩa Hùng**		**0.94**	**0.14**	**0.80**	**0.94**	**0.11**			**0.40**		**0.40**													**0.03**													-
	CMĐ SDĐ trong KDC	ONT	0.80		0.80	0.80				0.40		0.40																							Xã Nghĩa Hùng	Các tờ theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	Các thửa theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.14	0.14		0.14	0.11																		0.03										Xã Nghĩa Hùng			-
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.03	0.03		0.03																			0.03										Xã Nghĩa Hùng	7; 8	DTL	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.03	0.03		0.03	0.03																												Xã Nghĩa Hùng	2b	593;594	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.05	0.05		0.05	0.05																												Xã Nghĩa Hùng	2b	449	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.03	0.03		0.03	0.03																												Xã Nghĩa Hùng	2b	484	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
2.2.4.9	**Xã Nghĩa Lạc**		**1.78**	**0.28**	**1.50**	**1.78**	**0.18**		**0.80**			**0.80**																										-

TT	Danh mục công trình, dự án	Mã đất	Kế hoạch 2023 (ha)			Sử dụng vào loại đất (ha)																													Địa điểm		Tờ bản đồ		Ghi chú
			Tổng diện tích	Chuyển tiếp từ 2022	Đăng ký mới	Tổng diện tích	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	NTS	LMU	ONT	ODT	TSC	CQP	DYT	DGD	DTT	TMD	SKC	SKX	DGT	DTL	DSH	DNL	DCH	DRA	NTD	MNC	PNK	BCS	Vị trí	Cấp xã	Tờ	Thửa	*(Quyết định phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung,... QH, KHSDĐ; Nghị quyết thông qua danh mục công trình, dự án,...)*
	CMĐ SDĐ trong KDC	ONT	1.50		1.50	1.50			0.70			0.80																							Xã Nghĩa Lạc	Các tờ theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	Các thửa theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.28	0.28		0.28	0.18		0.10																										Xã Nghĩa Lạc			-
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.04	0.04		0.04	0.04																											Xóm 1 Đồng Liêu	Xã Nghĩa Lạc	6a	1	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.10	0.10		0.10			0.10																									Xóm 2 Đồng Liêu	Xã Nghĩa Lạc	6	42	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.07	0.07		0.07	0.07																											Xóm 4, Đồng Liêu	Xã Nghĩa Lạc	4a	18	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.07	0.07		0.07	0.07																											Xóm 5, Đồng Liêu	Xã Nghĩa Lạc	4a	42;46	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
2.2.4.10	**Xã Nghĩa Lâm**		**1.79**	**0.59**	**1.20**	**1.79**	**0.59**			**0.70**		**0.50**																									**-**
	CMĐ SDĐ trong KDC	ONT	1.20		1.20	1.20				0.70		0.50																							Xã Nghĩa Lâm	Các tờ theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	Các thửa theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.59	0.59		0.59	0.59																												Xã Nghĩa Lâm			-
	Đấu giá QSDĐ thôn Khang Ninh	ONT	0.59	0.59		0.59	0.59																											thôn Khang Ninh	Xã Nghĩa Lâm	3	58;74	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ thôn Khang Ninh vị trí 1	ONT	0.10	0.10		0.10	0.10																											thôn Khang Ninh	Xã Nghĩa Lâm	3	58;74	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ thôn Khang Ninh vị trí 2	ONT	0.10	0.10		0.10	0.10																											thôn Khang Ninh	Xã Nghĩa Lâm	3	58;74	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ thôn Khang Ninh vị trí 3	ONT	0.10	0.10		0.10	0.10																											thôn Khang Ninh	Xã Nghĩa Lâm	3	58;74	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ thôn Khang Ninh vị trí 4	ONT	0.10	0.10		0.10	0.10																											thôn Khang Ninh	Xã Nghĩa Lâm	3	58;74	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ thôn Khang Ninh vị trí 5	ONT	0.10	0.10		0.10	0.10																											thôn Khang Ninh	Xã Nghĩa Lâm	3	58;74	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ thôn Khang Ninh vị trí 6	ONT	0.09	0.09		0.09	0.09																											thôn Khang Ninh	Xã Nghĩa Lâm	3	58;74	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
2.2.4.11	**Xã Nghĩa Lợi**		**1.57**	**0.33**	**1.24**	**1.57**	**0.77**			**0.40**		**0.40**																									**-**
	CMĐ SDĐ trong KDC	ONT	0.80		0.80	0.80				0.40		0.40																							Xã Nghĩa Lợi	Các tờ theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	Các thửa theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.77	0.33	0.44	0.77	0.77																												Xã Nghĩa Lợi			-
	Đấu giá QSDĐ xóm 6	ONT	0.12	0.12		0.12	0.12																											xóm 6	Xã Nghĩa Lợi	2	86	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ xóm 6 vị trí 1	ONT	0.06	0.06		0.06	0.06																											xóm 6	Xã Nghĩa Lợi	2	86	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 6 vị trí 2	ONT	0.06	0.06		0.06	0.06																											xóm 6	Xã Nghĩa Lợi	2	86	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.09	0.09		0.09	0.09																											xóm 2	Xã Nghĩa Lợi	4	121	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 6	ONT	0.12	0.12		0.12	0.12																											xóm 6	Xã Nghĩa Lợi	3	114	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ xóm 6 vị trí 3	ONT	0.06	0.06		0.06	0.06																											xóm 6	Xã Nghĩa Lợi	3	114	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 6 vị trí 4	ONT	0.06	0.06		0.06	0.06																											xóm 6	Xã Nghĩa Lợi	3	114	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 1	ONT	0.34		0.34	0.34	0.34																											KDC Xóm Nam Điền - xóm 1	Xã Nghĩa Lợi	2	105;116;126;143	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ xóm 1 vị trí 1	ONT	0.10		0.10	0.10	0.10																											KDC Xóm Nam Điền - xóm 1	Xã Nghĩa Lợi	2	105;116;126;143	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 1 vị trí 2	ONT	0.10		0.10	0.10	0.10																											KDC Xóm Nam Điền - xóm 1	Xã Nghĩa Lợi	2	105;116;126;143	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 1 vị trí 3	ONT	0.07		0.07	0.07	0.07																											KDC Xóm Nam Điền - xóm 1	Xã Nghĩa Lợi	2	105;116;126;143	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 1 vị trí 4	ONT	0.07		0.07	0.07	0.07																											KDC Xóm Nam Điền - xóm 1	Xã Nghĩa Lợi	2	105;116;126;143	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022

TT	Danh mục công trình, dự án	Mã đất	Kế hoạch 2023 (ha)			Sử dụng vào loại đất (ha)																												Địa điểm		Tờ bản đồ		Ghi chú
			Tổng diện tích	Chuyển tiếp từ 2022	Đăng ký mới	Tổng diện tích	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	NTS	LMU	ONT	ODT	TSC	CQP	DYT	DGD	DTT	TMĐ	SKC	SKX	DGT	DTL	DSH	DNL	DCH	DRA	NTD	MNC	PNK	BCS	Vị trí	Cấp xã	Tờ	Thửa	*(Quyết định phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung.... QH, KHSDĐ; Nghị quyết thông qua danh mục công trình, dự án,...)*
	Đấu giá QSDĐ xóm 6 vị trí 5	ONT	0.10		0.10	0.10	0.10																											KDC Đồng Nam - xóm 6	Xã Nghĩa Lợi	3	14	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
2.2.4.12	**Xã Nghĩa Minh**		**1.49**	**0.34**	**1.15**	**1.49**	**0.20**		**0.01**	**0.50**		**0.65**				**0.02**										**0.03**	**0.02**	**0.06**										-
	CMĐ SDĐ trong KDC	ONT	1.15		1.15	1.15				0.50		0.65																							Xã Nghĩa Minh	Các tờ theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	Các thửa theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.34	0.34		0.34	0.20		0.01							0.02										0.03	0.02	0.06							Xã Nghĩa Minh			-
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.10	0.10		0.10	0.10																											Sau nhà ông Hải xóm 6	Xã Nghĩa Minh	1a	118	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.10	0.10		0.10	0.10																											sau nhà ông Chiến xóm 9	Xã Nghĩa Minh	1a	116	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.01	0.01		0.01			0.01																										Xã Nghĩa Minh	1b	218	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.04	0.04		0.04										0.02											0.02								Xã Nghĩa Minh	5	47;282	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.03	0.03		0.03																				0.03									Xã Nghĩa Minh	4	363	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.06	0.06		0.06																						0.06							Xã Nghĩa Minh	3DC	13	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
2.2.4.13	**Xã Nghĩa Phong**		**1.10**	**0.10**	**1.00**	**1.10**				**0.60**		**0.50**																										-
	CMĐ SDĐ trong KDC	ONT	1.00		1.00	1.00				0.60		0.40																							Xã Nghĩa Phong	Các tờ theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	Các thửa theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.10	0.10		0.10						0.10																							Xã Nghĩa Phong			-
	Đấu giá quyền SDĐ cho nhân dân làm nhà ở	ONT	0.10	0.10		0.10						0.10																							Xã Nghĩa Phong	8DC	13;14;87;99;104	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
2.2.4.14	**Xã Nghĩa Phú**		**1.29**	**0.24**	**1.05**	**1.29**	**0.19**			**0.80**		**0.25**														**0.05**												-
	CMĐ SDĐ trong KDC	ONT	1.05		1.05	1.05				0.80		0.25																							Xã Nghĩa Phú	Các tờ theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	Các thửa theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.24	0.24		0.24	0.19																			0.05									Xã Nghĩa Phú			-
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.10	0.10		0.10	0.10																											Xóm 1	Xã Nghĩa Phú	9	186;35	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.05	0.05		0.05																				0.05								Xóm 3	Xã Nghĩa Phú	7	75	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.09	0.09		0.09	0.09																											Xóm 8	Xã Nghĩa Phú	4PL2	160;105	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
2.2.4.15	**Xã Nghĩa Sơn**		**3.09**	**1.09**	**2.00**	**3.09**	**1.09**			**1.20**		**0.80**																										-
	CMĐ SDĐ trong KDC	ONT	2.00		2.00	2.00				1.20		0.80																							Xã Nghĩa Sơn	Các tờ theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	Các thửa theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	1.09	1.09		1.09	1.09																												Xã Nghĩa Sơn			-
	Đấu giá QSDĐ xóm 4	ONT	0.36	0.36		0.36	0.36																											xóm 4	Xã Nghĩa Sơn	3a	7	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ xóm 4 vị trí 1	ONT	0.06	0.06		0.06	0.06																											xóm 4	Xã Nghĩa Sơn	3a	7	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 4 vị trí 2	ONT	0.10	0.10		0.10	0.10																											xóm 4	Xã Nghĩa Sơn	3a	7	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 4 vị trí 3	ONT	0.10	0.10		0.10	0.10																											xóm 4	Xã Nghĩa Sơn	3a	7	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 4 vị trí 4	ONT	0.10	0.10		0.10	0.10																											xóm 4	Xã Nghĩa Sơn	3a	7	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.15	0.15		0.15	0.15																											xóm 4	Xã Nghĩa Sơn	3a	3	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ xóm 4 vị trí 5	ONT	0.08	0.08		0.08	0.08																											xóm 4	Xã Nghĩa Sơn	3a	3	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 4 vị trí 6	ONT	0.07	0.07		0.07	0.07																											xóm 4	Xã Nghĩa Sơn	3a	3	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.18	0.18		0.18	0.18																											xóm 4	Xã Nghĩa Sơn	3a	32	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ xóm 4 vị trí 7	ONT	0.09	0.09		0.09	0.09																											xóm 4	Xã Nghĩa Sơn	3a	32	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 4 vị trí 8	ONT	0.09	0.09		0.09	0.09																											xóm 4	Xã Nghĩa Sơn	3a	32	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.40	0.40		0.40	0.40																											xóm 4	Xã Nghĩa Sơn	3a	6	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021

TT	Danh mục công trình, dự án	Mã đất	Kế hoạch 2023 (ha)			Sử dụng vào loại đất (ha)																												Địa điểm		Tờ bản đồ		Ghi chú
			Tổng diện tích	Chuyển tiếp từ 2022	Đăng ký mới	Tổng diện tích	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	NTS	LMU	ONT	ODT	TSC	CQP	DYT	DGD	DTT	TMD	SKC	SKX	DGT	DTL	DSH	DNL	DCH	DRA	NTD	MNC	PNK	BCS	Vị trí	Cấp xã	Tờ	Thửa	*(Quyết định phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung.... QH, KHSDĐ; Nghị quyết thông qua danh mục công trình, dự án,...)*
	Đấu giá QSDĐ xóm 4 vị trí 9	ONT	0.10	0.10		0.10	0.10																											xóm 4	Xã Nghĩa Sơn	3a	6	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 4 vị trí 10	ONT	0.10	0.10		0.10	0.10																											xóm 4	Xã Nghĩa Sơn	3a	6	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 4 vị trí 11	ONT	0.10	0.10		0.10	0.10																											xóm 4	Xã Nghĩa Sơn	3a	6	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 4 vị trí 12	ONT	0.10	0.10		0.10	0.10																											xóm 4	Xã Nghĩa Sơn	3a	6	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 3 vị trí 1	ONT	0.07		0.07	0.07	0.07																											Xóm 3	Xã Nghĩa Tân	12	168	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 3	ONT	0.11		0.11	0.11	0.11																											Xóm 3	Xã Nghĩa Tân	11	101	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ xóm 3 vị trí 2	ONT	0.06		0.06	0.06	0.06																											Xóm 3	Xã Nghĩa Tân	11	101	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 3 vị trí 3	ONT	0.05		0.05	0.05	0.05																											Xóm 3	Xã Nghĩa Tân	11	101	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
2.2.4.16	**Xã Nghĩa Tân**		**1.46**	**0.16**	**1.30**	**1.46**	**0.54**			**0.50**		**0.36**							**0.06**																			**-**
	CMĐ SDĐ trong KDC	ONT	0.80		0.80	0.80				0.50		0.30																							Xã Nghĩa Tân	Các tờ theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	Các thửa theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.66	0.16	0.50	0.66	0.54					0.06							0.06																Xã Nghĩa Tân			-
	Đấu giá đất ở	ONT	0.06	0.06		0.06													0.06															Xóm 5	Xã Nghĩa Tân	16	12	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá đất ở	ONT	0.03	0.03		0.03	0.03																											Xóm 5	Xã Nghĩa Tân	16	331	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Đấu giá đất ở	ONT	0.07	0.07		0.07	0.07																											Xóm 7	Xã Nghĩa Tân	30	41	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.06		0.06	0.06						0.06																						Xóm 5	Xã Nghĩa Tân	16	1	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ xóm 4	ONT	0.02		0.02	0.02	0.02																											Xóm 4	Xã Nghĩa Tân	19	111	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 3 vị trí 1	ONT	0.07		0.07	0.07	0.07																											Xóm 3	Xã Nghĩa Tân	12	168	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 3	ONT	0.11		0.11	0.11	0.11																											Xóm 3	Xã Nghĩa Tân	11	101	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ xóm 3 vị trí 2	ONT	0.06		0.06	0.06	0.06																											Xóm 3	Xã Nghĩa Tân	11	101	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 3 vị trí 3	ONT	0.05		0.05	0.05	0.05																											Xóm 3	Xã Nghĩa Tân	11	101	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 2 vị trí 1	ONT	0.10		0.10	0.10	0.10																											Xóm 2	Xã Nghĩa Tân	12	74	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 2 vị trí 2	ONT	0.02		0.02	0.02	0.02																											Xóm 2	Xã Nghĩa Tân	7	91	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 2 vị trí 3	ONT	0.03		0.03	0.03	0.03																											Xóm 2	Xã Nghĩa Tân	7	14	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 2 vị trí 4	ONT	0.06		0.06	0.06	0.06																											Xóm 2	Xã Nghĩa Tân	2	34	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 2 vị trí 5	ONT	0.03		0.03	0.03	0.03																											Xóm 2	Xã Nghĩa Tân	2	13	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
2.2.4.17	**Xã Nghĩa Thái**		**2.73**	**1.23**	**1.50**	**2.73**	**0.60**			**0.86**		**1.25**							**0.02**																			**-**
	CMĐ SDĐ trong KDC	ONT	1.50		1.50	1.50				0.80		0.70																							Xã Nghĩa Thái	Các tờ theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	Các thửa theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	1.23	1.23		1.23	0.60			0.06		0.55							0.02																Xã Nghĩa Thái			-
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.07	0.07		0.07						0.07																						Xóm 1	Xã Nghĩa Thái	18	73	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.05	0.05		0.05				0.05																								Xóm 13	Xã Nghĩa Thái	21	213	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.21	0.21		0.21	0.21																											Xóm 14	Xã Nghĩa Thái	15	178	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.04	0.04		0.04						0.04																						Xóm 2	Xã Nghĩa Thái	19	24	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.20	0.20		0.20	0.20																											Xóm 2	Xã Nghĩa Thái	19	54	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021; QĐ số 2101/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND tỉnh Nam Định
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.07	0.07		0.07						0.07																						Xóm 2	Xã Nghĩa Thái	19	53	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.01	0.01		0.01	0.01																											Xóm 2	Xã Nghĩa Thái	19	89	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021

TT	Danh mục công trình, dự án	Mã đất	Kế hoạch 2023 (ha)			Sử dụng vào loại đất (ha)																												Địa điểm		Tờ bản đồ		Ghi chú
			Tổng diện tích	Chuyển tiếp từ 2022	Đăng ký mới	Tổng diện tích	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	NTS	LMU	ONT	ODT	TSC	CQP	DYT	DGD	DTT	TMD	SKC	SKX	DGT	DTL	DSH	DNL	DCH	DRA	NTD	MNC	PNK	BCS	Vị trí	Cấp xã	Tờ	Thửa	*(Quyết định phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung,... QH, KHSDĐ; Nghị quyết thông qua danh mục công trình, dự án,...)*
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.01	0.01		0.01	0.01																											Xóm 2	Xã Nghĩa Thái	19	92	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.08	0.08		0.08	0.08																											Xóm 4	Xã Nghĩa Thái	20	244	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.02	0.02		0.02	0.02																											Xóm 7	Xã Nghĩa Thái	14	164	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.10	0.10		0.10						0.10																						Xóm 7	Xã Nghĩa Thái	14	130	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.05	0.05		0.05	0.05																											Xóm 7	Xã Nghĩa Thái	14	137	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.02	0.02		0.02	0.02																											Xóm 7	Xã Nghĩa Thái	14	129	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.10	0.10		0.10						0.10																						Xóm 7	Xã Nghĩa Thái	14	136	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.01	0.01		0.01				0.01																								Xóm 7	Xã Nghĩa Thái	14	143	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.05	0.05		0.05						0.05																						Xóm 7	Xã Nghĩa Thái	14	144	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.10	0.10		0.10						0.10																						Xóm 7	Xã Nghĩa Thái	14	200	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.02	0.02		0.02						0.02																							Xã Nghĩa Thái	20	261	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.02	0.02		0.02												0.02																	Xã Nghĩa Thái	23	323	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
2.2.4.18	**Xã Nghĩa Thành**		**1.06**	**0.06**	**1.00**	**1.06**	**0.06**			**0.60**		**0.40**																										-
	CMĐ SDĐ trong KDC	ONT	1.00		1.00	1.00				0.60		0.40																							Xã Nghĩa Thành	Các tờ theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	Các thửa theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.06	0.06		0.06	0.06																												Xã Nghĩa Thành			-
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.06	0.06		0.06	0.06																											Xóm Tây Thành	Xã Nghĩa Thành	8	174	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
2.2.4.19	**Xã Nghĩa Thịnh**		**1.95**	**0.71**	**1.24**	**1.95**	**0.08**		**0.17**	**0.46**		**0.98**						**0.03**	**0.13**			**0.10**																-
	CMĐ SDĐ trong KDC	ONT	0.99		0.99	0.99				0.37		0.62																							Xã Nghĩa Thịnh	Các tờ theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	Các thửa theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.96	0.71	0.25	0.96	0.08		0.17	0.09		0.36						0.03	0.13			0.10													Xã Nghĩa Thịnh			-
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.10	0.10		0.10						0.10																						Thùng ao Hải Sơn	Xã Nghĩa Thịnh	3	232-1;232;235-1	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.08	0.08		0.08						0.08																						Thùng ao Hải Sơn	Xã Nghĩa Thịnh	3	353	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.10	0.10		0.10			0.05			0.05																						Ao Ô. Mao	Xã Nghĩa Thịnh	6	20;21	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.10	0.10		0.10			0.08			0.02																						Cạnh Hội Trường HTX Đại Hưng	Xã Nghĩa Thịnh	5	491	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.10	0.10		0.10																0.10												Cạnh NVH Hải Sơn	Xã Nghĩa Thịnh	3	633	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.10	0.10		0.10	0.08		0.01			0.01																						Cửa Bình A	Xã Nghĩa Thịnh	4	45	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Đấu giá đất xen kẹt	ONT	0.10	0.10		0.10			0.03										0.07																Xã Nghĩa Thịnh	2	426;426-1	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.03	0.03		0.03												0.03																	Xã Nghĩa Thịnh	2	195	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.06		0.06	0.06				0.06																								Nhà Trẻ Cạnh Nhà Ô. Quân	Xã Nghĩa Thịnh	6	195	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.03		0.03	0.03				0.03																								Cạnh Nhà Ô. Việt	Xã Nghĩa Thịnh	2	528	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.06		0.06	0.06													0.06															Cạnh Nhà Ô. Trung	Xã Nghĩa Thịnh	5	490-1	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.10		0.10	0.10						0.10																						Cạnh Nhà Ô. Định	Xã Nghĩa Thịnh	2	529	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
2.2.4.20	**Xã Nghĩa Trung**		**3.84**	**0.41**	**3.43**	**3.84**	**1.74**			**1.00**		**1.00**				**0.10**																						-
	CMĐ SDĐ trong KDC	ONT	2.00		2.00	2.00				1.00		1.00																							Xã Nghĩa Trung	Các tờ theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	Các thửa theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	1.84	0.41	1.43	1.84	1.74									0.10																			Xã Nghĩa Trung			-
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.01	0.01		0.01	0.01																												Xã Nghĩa Trung	11	122	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.10	0.10		0.10	0.10																											Xóm 8	Xã Nghĩa Trung	10	43;125	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.10	0.10		0.10	0.10																											Xóm 11	Xã Nghĩa Trung	2	86;96	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.10	0.10		0.10	0.10																											Xóm 2	Xã Nghĩa Trung	12;13	tờ 12: thửa 141; tờ 13: thửa 87	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Đấu giá quyền SDĐ cho nhân dân làm nhà ở	ONT	0.10	0.10		0.10										0.10																			Xã Nghĩa Trung	17	363	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 3	ONT	0.49		0.49	0.49	0.49																											Xóm 3	Xã Nghĩa Trung	20	11;15;16;...;19;21;23;24;26;27;30-32	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ xóm 3 vị trí 1	ONT	0.10		0.10	0.10	0.10																											Xóm 3	Xã Nghĩa Trung	20	11;15;16;...;19;21;23;24;26;27;30-32	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022

TT	Danh mục công trình, dự án	Mã đất	Kế hoạch 2023 (ha)			Sử dụng vào loại đất (ha)																													Địa điểm		Tờ bản đồ		Ghi chú
			Tổng diện tích	Chuyển tiếp từ 2022	Đăng ký mới	Tổng diện tích	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	NTS	LMU	ONT	ODT	TSC	CQP	DYT	DGD	DTT	TMD	SKC	SKX	DGT	DTL	DSH	DNL	DCH	DRA	NTD	MNC	PNK	BCS	Vị trí	Cấp xã	Tờ	Thửa	*(Quyết định phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung.... QH, KHSDĐ; Nghị quyết thông qua danh mục công trình, dự án,...)*
	Đấu giá QSDĐ xóm 3 vị trí 2	ONT	0.10		0.10	0.10	0.10																											Xóm 3	Xã Nghĩa Trung	20	11;15;16;...;19;21;23;24;26;27;30-32	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 3 vị trí 3	ONT	0.10		0.10	0.10	0.10																											Xóm 3	Xã Nghĩa Trung	20	11;15;16;...;19;21;23;24;26;27;30-32	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 3 vị trí 4	ONT	0.10		0.10	0.10	0.10																											Xóm 3	Xã Nghĩa Trung	20	11;15;16;...;19;21;23;24;26;27;30-32	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 3 vị trí 5	ONT	0.09		0.09	0.09	0.09																											Xóm 3	Xã Nghĩa Trung	20	11;15;16;...;19;21;23;24;26;27;30-32	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.19		0.19	0.19	0.19																											Xóm 3	Xã Nghĩa Trung	19	2;3	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ xóm 3 vị trí 6	ONT	0.10		0.10	0.10	0.10																											Xóm 3	Xã Nghĩa Trung	19	2;3	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 3 vị trí 7	ONT	0.09		0.09	0.09	0.09																											Xóm 3	Xã Nghĩa Trung	19	2;3	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.18		0.18	0.18	0.18																											Xóm 3	Xã Nghĩa Trung	13	320	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ xóm 3 vị trí 8	ONT	0.10		0.10	0.10	0.10																											Xóm 3	Xã Nghĩa Trung	13	320	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 3 vị trí 9	ONT	0.08		0.08	0.08	0.08																											Xóm 3	Xã Nghĩa Trung	13	320	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 1	ONT	0.13		0.13	0.13	0.13																											Xóm 1	Xã Nghĩa Trung	19	33	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ xóm 1 vị trí 1	ONT	0.06		0.06	0.06	0.06																											Xóm 1	Xã Nghĩa Trung	19	33	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 1 vị trí 2	ONT	0.07		0.07	0.07	0.07																											Xóm 1	Xã Nghĩa Trung	19	33	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 1	ONT	0.17		0.17	0.17	0.17																											Xóm 1	Xã Nghĩa Trung	19	32	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ xóm 1 vị trí 3	ONT	0.08		0.08	0.08	0.08																											Xóm 1	Xã Nghĩa Trung	19	32	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 1 vị trí 4	ONT	0.09		0.09	0.09	0.09																											Xóm 1	Xã Nghĩa Trung	19	32	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 1	ONT	0.27		0.27	0.27	0.27																											Xóm 1	Xã Nghĩa Trung	18	13	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ xóm 1 vị trí 5	ONT	0.10		0.10	0.10	0.10																											Xóm 1	Xã Nghĩa Trung	18	13	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 1 vị trí 6	ONT	0.09		0.09	0.09	0.09																											Xóm 1	Xã Nghĩa Trung	18	13	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
	Đấu giá QSDĐ xóm 1 vị trí 7	ONT	0.08		0.08	0.08	0.08																											Xóm 1	Xã Nghĩa Trung	18	13	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
2.2.4.21	**Xã Phúc Thắng**		**2.20**	**0.10**	**2.10**	**2.20**	**0.06**			**1.30**		**0.80**							**0.04**																			**-**
	CMĐ SDĐ trong KDC	ONT	2.00		2.00	2.00				1.30		0.70																							Xã Phúc Thắng	Các tờ theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	Các thửa theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.20	0.10	0.10	0.20	0.06					0.10							0.04																Xã Phúc Thắng			-
	Đấu giá quyền SDĐ cho nhân dân làm nhà ở	ONT	0.10	0.10		0.10						0.10																							Xã Phúc Thắng	13	379-1;379-2;423;422;424;442;443;444;571;730;729;731	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá QSDĐ	ONT	0.04		0.04	0.04													0.04															Xóm 9	Xã Phúc Thắng	6	612	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ xóm 8	ONT	0.06		0.06	0.06	0.06																											Khu Phía Tây Nam Cống Qvi - xóm 8	Xã Phúc Thắng	7	62	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; NQ số 110/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
2.2.5	**Đất ở tại đô thị**	**ODT**	**4.39**	**0.79**	**3.60**	**4.39**	**0.10**		**0.10**	**2.57**		**1.04**				**0.10**		**0.10**	**0.04**		**0.14**	**0.20**																**-**
2.2.5.1	**TT Liễu Đề**		**1.99**	**0.49**	**1.50**	**1.99**	**0.10**			**1.10**		**0.40**				**0.10**		**0.10**	**0.04**		**0.05**	**0.10**																**-**
	CMĐ SDĐ trong KDC	ODT	1.50		1.50	1.50				1.10		0.40																							TT Liễu Đề	Các tờ theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	Các thửa theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ	ODT	0.49	0.49		0.49	0.10									0.10		0.10	0.04		0.05	0.10													TT Liễu Đề			-
	Đấu giá đất xen kẹt	ODT	0.10	0.10		0.10												0.10																TDP Nam	TT Liễu Đề	11	81	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022

TT	Danh mục công trình, dự án	Mã đất	Kế hoạch 2023 (ha)			Sử dụng vào loại đất (ha)																													Địa điểm		Tờ bản đồ		Ghi chú
			Tổng diện tích	Chuyển tiếp từ 2022	Đăng ký mới	Tổng diện tích	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	NTS	LMU	ONT	ODT	TSC	CQP	DYT	DGD	DTT	TMĐ	SKC	SKX	DGT	DTL	DSH	DNL	DCH	DRA	NTD	MNC	PNK	BCS	Vị trí	Cấp xã	Tờ	Thửa	*(Quyết định phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung,... QH, KHSDĐ; Nghị quyết thông qua danh mục công trình, dự án,...)*
	Đấu giá đất xen kẹt	ODT	0.10	0.10		0.10	0.10																												TT Liễu Đề	11	27	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Đấu giá đất xen kẹt	ODT	0.04	0.04		0.04													0.04																TT Liễu Đề	4	20	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá đất xen kẹt	ODT	0.10	0.10		0.10										0.10																			TT Liễu Đề	9	40	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá đất xen kẹt	ODT	0.05	0.05		0.05															0.05														TT Liễu Đề	10	385;386	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá QSDĐ	ODT	0.10	0.10		0.10																0.10													TT Liễu Đề	18	66	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
2.2.5.2	**TT Quỹ Nhất**		**1.40**	**0.30**	**1.10**	**1.40**			**0.10**	**0.77**		**0.34**									**0.09**	**0.10**																-
	CMĐ SDĐ trong KDC	ODT	1.00		1.00	1.00				0.70		0.30																							TT Quỹ Nhất	Các tờ theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	Các thửa theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đấu giá QSDĐ	ODT	0.40	0.30	0.10	0.40			0.10	0.07		0.04									0.09	0.10													TT Quỹ Nhất			-
	Đấu giá đất xen kẹt	ODT	0.10	0.10		0.10				0.06		0.04																							TT Quỹ Nhất	10	21;8;85	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá đất xen kẹt	ODT	0.10	0.10		0.10				0.01											0.09														TT Quỹ Nhất	5	416	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá đất xen kẹt	ODT	0.10	0.10		0.10																0.10													TT Quỹ Nhất	5	27	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá QSDĐ	ODT	0.10		0.10	0.10			0.10																									Khu 5	TT Quỹ Nhất	4	242	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
2.2.5.3	**TT Rạng Đông**		**1.00**		**1.00**	**1.00**				**0.70**		**0.30**																										-
	CMĐ SDĐ trong KDC	ODT	1.00		1.00	1.00				0.70		0.30																							TT Rạng Đông	Các tờ theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	Các thửa theo QHSDĐ đã được phê duyệt tại QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
2.2.6	**Đất phi nông nghiệp khác**	**PNK**	**0.02**	**0.02**		**0.02**																									**0.02**							-
	Nhà kho dịch vụ HTX NN	PNK	0.02	0.02		0.02																									0.02			Thôn 5 Xác Đông	Xã Nghĩa Đồng	3b	18	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
2.2.7	**Bãi Bồi Nghĩa Hưng**		**454.33**	**454.33**		**454.33**						**452.09**													**2.24**												-
	Đất công nghiệp	SKC	360.76	360.76		360.76						360.76																							Bãi Bồi Nghĩa Hưng	Nhiều tờ	Nhiều thửa	QĐ số 977/QĐ-UBND ngày 26/5/2022
	Đất kho tàng	SKC	10.34	10.34		10.34						10.34																							Bãi Bồi Nghĩa Hưng			QĐ số 977/QĐ-UBND ngày 26/5/2022
	Đất mặt nước	MNC	61.00	61.00		61.00						58.76													2.24										Bãi Bồi Nghĩa Hưng			QĐ số 977/QĐ-UBND ngày 26/5/2022
	Đất hạ tầng kỹ thuật - xử lý nước thải	DRA	22.23	22.23		22.23						22.23																							Bãi Bồi Nghĩa Hưng			QĐ số 977/QĐ-UBND ngày 26/5/2022
2.2.8	**Đất nông nghiệp khác**	**NKH**	**18.20**		**18.20**	**18.20**			**6.99**			**11.21**																										-
	Trang trại tổng hợp	NKH	9.25		9.25	9.25			6.99			2.26																							Xã Nghĩa Lạc			QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Trần Tức Mã	NKH	2.10		2.10	2.10			1.80			0.30																							Xã Nghĩa Lạc	7	245	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Nguyễn Thị Hậu	NKH	2.09		2.09	2.09			2.09																										Xã Nghĩa Lạc	7	246	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Đỗ Quang Chí	NKH	2.34		2.34	2.34			1.74			0.60																							Xã Nghĩa Lạc	8	89	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Vũ Tuấn Đạt	NKH	2.72		2.72	2.72			1.36			1.36																							Xã Nghĩa Lạc	8	90	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Dự án nuôi tôm thương phẩm ứng dụng công nghệ cao Hợp Thành của công ty TNHH NTTS Hợp Thành	NKH	3.75		3.75	3.75						3.75																							Xã Nghĩa Lạc	1	55;56	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
	Trang trại chăn nuôi, NTTS	NKH	5.20		5.20	5.20						5.20																							Xã Nghĩa Thịnh	1	2	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021
2.3	**Các khu vực sử dụng đất khác**		**23.17**	**15.57**	**7.60**	**23.17**			**0.54**			**1.18**		**11.28**	**4.89**								**1.89**	**0.11**							**2.98**	**0.30**						-
2.3.1	**Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**	**SKC**	**7.00**	**7.00**		**7.00**			**0.54**			**1.18**											**1.89**	**0.11**							**2.98**	**0.30**						-
	Cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	7.00	7.00		7.00			0.54			1.18											1.89	0.11							2.98	0.30			Xã Nghĩa Phong	3	106;107;109;127;128;129;130;131	CV số 986/UBND-VP5 ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh Nam Định v/v chủ trương nghiên cứu, khảo sát lập thủ tục đầu tư Dự án Nhà máy đóng tàu mới và sửa chữa phương tiện vận tải thủy tại xã Nghĩa Phong, huyện Nghĩa Hưng
2.3.2	**Đất ở tại nông thôn**	**ONT**	**16.17**	**8.57**	**7.60**	**16.17**								**11.28**	**4.89**																								-
	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở	ODT	0.03	0.03		0.03									0.03																				TT Liễu Đề	6	66	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở	ODT	4.86		4.86	4.86									4.86																				TT Quỹ Nhất	3	179;180;181;182;183;184;185;288;293;294;295;296;297;298;299;300;452;453;454;455;456;457;458;459;460;478	QĐ số 977/QĐ-UBND ngày 26/5/2022
	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở	ONT	4.78	3.64	1.14	4.78								4.78																					Xã Nghĩa Châu	2	126;203;197;195;190;188;187;207;192;193;191;200;145;152;155;194;184	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở	ONT	1.22		1.22	1.22								1.22																					Xã Nghĩa Hải	13 NĐ	13;14;15	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá QSDĐ và giao đất TĐC cho nhân dân làm nhà ở (tại khu TĐC và KDC tập trung xã Nghĩa Lạc)	ONT	0.31	0.31		0.31								0.31																					Xã Nghĩa Lạc	6a	46-50	QĐ số 1361/QĐ-UBND ngày 01/08/2022

13

TT	Danh mục công trình, dự án	Mã đất	Kế hoạch 2023 (ha)			Sử dụng vào loại đất (ha)																												Địa điểm		Tờ bản đồ		Ghi chú
			Tổng diện tích	Chuyển tiếp từ 2022	Đăng ký mới	Tổng diện tích	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	NTS	LMU	ONT	ODT	TSC	CQP	DYT	DGD	DTT	TMD	SKC	SKX	DGT	DTL	DSH	DNL	DCH	DRA	NTD	MNC	PNK	BCS	Vị trí	Cấp xã	Tờ	Thửa	*(Quyết định phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung... QH, KHSDĐ; Nghị quyết thông qua danh mục công trình, dự án,...)*
	Giao đất TĐC cho nhân dân làm nhà ở (tại khu TĐC xã Nghĩa Lạc)	ONT	0.10	0.10		0.10								0.10																					Xã Nghĩa Lạc	6a	1	QĐ số 1361/QĐ-UBND ngày 01/08/2022
	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở	ONT	0.04		0.04	0.04								0.04																				Tây Đường Cừa Kho Lên Nghĩa Trang	Xã Nghĩa Minh	1b	102;103	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 (phần còn lại của DA Đấu giá khu dân cư tập trung)
	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở	ONT	0.28	0.28		0.28								0.28																					Xã Nghĩa Phong	7	21	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở	ONT	0.73	0.73		0.73								0.73																					Xã Nghĩa Tân	16; 4	tờ 16: thửa 358,386,390,401,402,403, 404,415,427,426,437,410, 428,454; tờ 4: thửa 124	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở	ONT	1.36	1.36		1.36								1.36																					Xã Nghĩa Thịnh	3	24;27;28;29;32;33	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở	ONT	1.37	1.26	0.11	1.37								1.37																					Xã Nghĩa Trung	11	146;147;148;149	QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2022
	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở (tại Khu dân cư tập trung xã Nghĩa Phong)	ONT	0.02	0.02		0.02								0.02																					Xã Nghĩa Phong	7	21	QĐ số 977/QĐ-UBND ngày 26/5/2022
	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở	ONT	0.49	0.26	0.23	0.49								0.49																					Xã Nghĩa Thành	6a	11;12;13	QĐ số 977/QĐ-UBND ngày 26/5/2022
	Đấu giá QSDĐ và giao đất TĐC cho nhân dân làm nhà ở (tại khu TĐC và KDC tập trung xã Nghĩa Sơn)	ONT	0.58	0.58		0.58								0.58																					Xã Nghĩa Sơn			QĐ số 1748/QĐ-UBND ngày 20/09/2022